

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy Ủy nhiệm chi số 173 ngày 24 tháng 12 năm 2020)

Mẫu số 09
Mã hiệu :
Số :

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 9**
2. Mã đơn vị: **1048792**

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **TK : 083 008 410 290 001; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt**

I. Nội dung để nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo HD	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Chi công phục vụ ăn sáng T12/2020	Công phục vụ bán trú T12/2020	Chi hỗ trợ phục vụ hoạt động giảng dạy T12/2020	Chi tiền quản lý lớp năng khiếu T12/2020	Tiền khoán			
1	2	3	4	5	6	7	8	9,1	9,2	9,3	9,3	10	11	12		
Tổng số				174.349.799	0	0	0	0	41.951.470	91.655.162	18.663.047	22.080.120	0	0		
I	Đối với công chức, viên chức:			147.164.471	0	0	0	0	34.472.110	76.611.580		20.246.550	0			
1	Lâm Thị Mộng Trinh	0102615697	NH Đông Á	0												
2	Nguyễn Thị Sánh	0102648657	NH Đông Á	5.855.245					1.239.000	2.686.200	492.755	1.437.290				
3	Nguyễn Thị Giang Thanh	0101386717	NH Đông Á	6.407.455					1.239.000	2.808.300	492.755	1.867.400				
4	Phạm Thị Hồng Vân	0101386707	NH Đông Á	5.043.365					988.000	2.812.000	536.500	706.865				
5	Hoàng Thị Thanh Bút	0107817636	NH Đông Á	5.416.055					1.147.000	2.700.000	486.000	1.083.055				
6	Ngô Hoàng Uyên Mì	0107817627	NH Đông Á	5.136.735					1.254.000	2.660.000	507.500	715.235				
7	Dương Thị Ngọc	0107817621	NH Đông Á	4.203.880					1.050.000	2.291.000	505.470	357.410				
8	Trần Thị Lệ Xuân	0101980518	NH Đông Á	3.735.000					1.038.000	2.202.000	495.000	0				
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0107817785	NH Đông Á	5.111.245					1.110.000	2.700.000	486.000	815.245				
10	Giang Thị Ngọc Thanh	0107668653	NH Đông Á	0												
11	Đoàn Hoài Nam	0108660736	NH Đông Á	3.916.410					972.000	2.054.000	533.000	357.410				
12	Lê Thủy Anh Đào	0109963794	NH Đông Á	3.865.085					884.780	2.080.430	391.500	508.375				
13	Đàm Thị Ngọc Loan	0101198837	NH Đông Á	5.124.275					1.285.570	2.418.090	557.760	862.855				
14	Phan Thị Kim Loan	0107817769	NH Đông Á	4.414.505					1.050.000	2.333.000	470.610	560.895				
15	Đào Khánh Phụng	0109320802	NH Đông Á	0												
16	Phạm Thị Nguyễn Thùy	0109940965	NH Đông Á	4.945.595					1.061.740	2.582.610	486.000	815.245				
17	Nguyễn Thị Châu Thanh	0107817652	NH Đông Á	5.046.205					1.140.000	2.736.000	504.000	666.205				
18	Nguyễn Thị Thu Thủy	0107817761	NH Đông Á	4.061.500					1.224.000	2.275.000	562.500					
19	Trần Thị Bích Trâm	0102552460	NH Đông Á	4.214.505					1.050.000	2.133.000	470.610	560.895				
20	Trần Thị Kiều	0107817788	NH Đông Á	3.474.000					1.008.000	2.016.000	450.000					
21	Nguyễn Xuân Thanh Thảo	0108757892	NH Đông Á	0												
22	Nguyễn Thị Hộ	0107817287	NH Đông Á	2.685.000					688.500	1.501.500	495.000					
23	Nguyễn Thị Thủy Trang	0107817774	NH Đông Á	3.559.000					972.000	2.054.000	533.000					
24	Lê Thị Thu Dung	0103295125	NH Đông Á	3.427.440					929.740	1.964.700	533.000					
25	Sử Thị Ngọc Châu	0107817285	NH Đông Á	3.999.875					925.000	2.175.000	391.500	508.375				

26	Phạm Kim Hiền	0108655242	NH Đồng Á	5.136.735						1.254.000	2.660.000	507.500	715.235		
27	Nguyễn Thị Hồng Tâm	0108259456	NH Đồng Á	6.061.165						1.239.000	2.686.200	492.755	1.643.210		
28	Trần Thị Hà	0109438625	NH Đồng Á	3.474.000						1.008.000	2.016.000	450.000			
29	Võ Thị Mỹ Linh	0109943289	NH Đồng Á	5.046.205						1.140.000	2.736.000	504.000	666.205		
30	Trần Thị Thanh Thảo	0109953669	NH Đồng Á	0						0	0	0	0		
31	Đào Vũ Uyên Dục	0110862343	NH Đồng Á	4.061.500						1.224.000	2.275.000	562.500			
32	Hoàng Thị Bạch Ly	0102593937	NH Đồng Á	5.292.615						1.344.000	2.528.000	557.760	862.855		
33	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	0104882302	NH Đồng Á	5.043.365						988.000	2.812.000	536.500	706.865		
34	Nguyễn Song Hà Ný	0110899069	NH Đồng Á	4.411.540						925.000	2.400.000	432.000	654.540		
35	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0110899902	NH Đồng Á	4.266.970						884.780	2.295.650	432.000	654.540		
36	Nguyễn Thị Minh Thư	0110891260	NH Đồng Á	5.416.055						1.147.000	2.700.000	486.000	1.083.055		
37	Nguyễn Kim Quỳnh Như	0101386776	NH Đồng Á	5.311.946						1.062.000	2.319.900	492.756	1.437.290		
II Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP)				24.853.518	0	0	0	0		6.275.550	14.093.582	2.828.816	1.655.570	0	0
1	Phạm Thanh Phú	0102382400	NH Đồng Á	4.274.046						1.062.000	2.157.100	492.756	562.190		
2	Nguyễn Dương	0108802675	NH Đồng Á	4.274.046						1.062.000	2.157.100	492.756	562.190		
3	Bùi Diễm Tú Minh	0101631076	NH Đồng Á	4.508.291						1.088.900	2.407.100	481.101	531.190		
4	Nguyễn Thị Hồng Gấm	0103641702	NH Đồng Á	5.793.403						1.559.800	3.752.502	481.101			
5	Ôn Thị Thanh Thanh	0102382400	NH Đồng Á	400.000						0	0	400.000			
6	Ngô Thị Cẩm Linh	0108802675	NH Đồng Á	0								0			
6	Mai Thị Nguyệt	0101631076	NH Đồng Á	5.603.732						1.502.850	3.619.780	481.102			
8	Lê Thị Yến Trinh	0103641702	NH Đồng Á	0								0	0		
III Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng				2.331.810	0	0	0	0		1.203.810	950.000	0	178.000	0	0
1	Lê Thị Yến Trinh	0103641702	NH Đồng Á	1.384.260						684.260	700.000	0			
2	Ngô Thị Cẩm Linh	0108802675	NH Đồng Á	947.550						519.550	250.000	0	178.000		

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi chín đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Nguyễn Thị Hồng Tâm

KHO BẠC NHÀ NƯỚC



K.T. Thủ trưởng đơn vị
(chữ và họ hiệu trưởng)

Nguyễn Thị Giang Thanh

Chuyên viên kiểm soát chi / Giao dịch viên

Ngày.....thángnăm
Giám đốc BKNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện